TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 01 - 2026
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Nhớ
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mầm
Ông Nguyễn Văn Sol

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 -Cà Mau.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 379/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc*"Tranh chấp xin ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Tuyết N, sinh ngày 14/5/1987 (0582.942.422);
Số CCCD: 096187009174.
Địa chỉ: Ấp Nghĩa Hiệp, xã Cái Nước, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Anh Trần Thanh T, sinh ngày 27/4/1984 (0916.097.281).
Số CMND: 381360915.
Địa chỉ: Ấp Nghĩa Hiệp, xã Cái Nước, tỉnh Cà Mau
Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Hồ Tuyết N trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Thanh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (nay là xã Cái Nước, tỉnh Cà Mau) vào năm 2021. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến thời gian gần đây thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm, anh T thường đi nhậu về đánh chị. Mâu thuẫn trầm trọng, hai bên gia đình hàn gắn nhưng không thành. Nay xét thấy hôn nhân giữa chị và anh T không còn hạnh phúc, không còn hòa hợp, mục

đích hôn nhân không đạt được và không thể duy trì nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh T có 02 người con chung tên Trần Quốc Huy sinh ngày 18/12/2007 và Trần Khả My sinh ngày 31/12/2015 đang sống cùng anh T. Sau khi ly hôn, đối với cháu Huy đã trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu My đang sống cùng anh T chị đồng ý giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là anh Trần Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.*

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hồ Tuyết N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi hay bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Hồ Tuyết N và anh Trần Thanh T là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc *"Xin ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Anh Trần Thanh T có địa chỉ cư trú tại ấp Nghĩa Hiệp, xã Cái Nước, tỉnh Cà Mau do đó Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Thanh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Hồ Tuyết N và anh Trần Thanh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau (nay là xã Cái Nước, tỉnh Cà Mau) vào năm 2021. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo chị N trình bày, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến thời gian gần đây thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan

điểm, anh T thường nhậu say về đánh chị và dùng dao đe dọa chị, mâu thuẫn phát sinh và hai bên gia đình hàn gắn nhưng không thành. Nay xét thấy hôn nhân giữa chị và anh T không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể duy trì nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Đối với anh T, Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia xét xử nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị N và anh T đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được đúng như chị N xác định. Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị N xác định chị và anh T có với nhau 02 con chung tên Trần Quốc Huy sinh ngày 18/12/2007 và Trần Khả My sinh ngày 31/12/2015 đang sống cùng anh T. Sau khi ly hôn, đối với cháu Huy đã trưởng thành chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu My đang sống cùng anh T chị đồng ý giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc chị không cấp dưỡng nuôi con.

Theo quy định của pháp luật thì:*"Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên…";"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con…"*.

Xét thấy: Đối với cháu Trần Quốc Huy sinh ngày 18/12/2007 đã hơn 18 tuổi và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với cháu Trần Khả My sinh ngày 31/12/2015, theo chị N xác định từ thời điểm chị N và anh T sống ly thân thì cháu My đã sống cùng anh T, anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu My. Tại phiên tòa, chị N xác định hiện tại cháu My đang phát triển tốt, chị đồng ý giao cho anh T tiếp tục nuôi dương, chăm sóc vì anh T có đủ điều kiện để chăm sóc cháu. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy để không gây xáo trộn cho cuộc sống của cháu My, cần tiếp tục giao cháu cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

Chị N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị N xác định chị và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung, nợ riêng: Chị N xác định chị và anh T không có nợ chung hay ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Tuyết N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Tuyết N, cho chị N được ly hôn với anh Trần Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Khả My sinh ngày 31/12/2015 cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Tuyết N phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 10 tháng 11 năm 2025 chị N có dự nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004232 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mầm **Nguyễn Văn Sol** **Tăng Thị Nhớ**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4- Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4- Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Cái Nước;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Tăng Thị Nhớ